TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10/09/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị N với anh T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thụ
2. Bà Vũ Thị Nết

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 09 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 173/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 05 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXX-ST ngày 28 tháng 07 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 08 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1994

Địa chỉ: căn hộ 10.02A Chung cư G, 2A Nguyễn X, phường B, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt

2. Bị đơn: Anh Đào Hữu T, sinh năm 1991

Địa chỉ: thôn H 2, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Hồng N trình bày: Chị kết hôn với anh Đào Hữu T năm 2019 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam. Sau một thời gian chung sống cùng nhau, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, chị nhận thấy vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không thống nhất, không cùng quan điểm từ cách sống, cách sinh hoạt, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau một cách nghiêm trọng. Chị và anh

T sống ly thân từ tháng 06/2024. Từ đó chị và anh T chấm dứt mọi quan hệ, không liên lạc gì với nhau, ai sống thế nào thì mặc. Mâu thuẫn vợ chồng chị có sự can thiệp, hòa giải của hai bên gia đình nhưng tình trạng mâu thuẫn không thay đổi mà ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đào Hữu T.

Về con chung: Chị và anh Đào Hữu T sinh được 02 con chung là Đào Trâm M, sinh ngày 25/09/2020 và Đào Hữu B, sinh ngày 21/05/2023. Cháu M đang sống với anh T, còn cháu Bảo đang sống với chị. Ly hôn, để đảm bảo sụ ổn định trong sinh hoạt và học tập, chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu Bảo, còn cháu M giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Đào Hữu T trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Hồng N năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh). Trước khi kết hôn anh và chị N có được tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi tổ chức xong hôn lễ, anh và chị N vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, sinh sống. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 06/2024 thì nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chuyển công tác về Bắc Giang (nay là Bắc Ninh), chị N không đồng ý. Việc này gia đình hai bên có biết, động viên, khuyên bảo nhưng chị N không nghe. Từ đó anh và chị N sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với chị N, chị N xin ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Hồng N sinh được 02 con chung như chị N khai. Trường hợp Tòa án giải quyết cho anh và chị ly hôn, anh đồng ý với ý kiến chị N, để chị N tiếp tục nuôi cháu Đào Hữu B, anh tiếp tục nuôi cháu Đào Trâm M. Cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn sự chấp hành đầy đủ, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Nguyễn Hồng N ly hôn với anh Đào Hữu T. Về con chung giao cho chị N nuôi con là Đào Hữu B, giao

cho anh T nuôi con Đào Trâm M. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản, không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Hồng N yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và con chung giữa chị với anh Đào Hữu T. Đây là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã Đ, tỉnh Bắc Ninh. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Bắc Ninh.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hồng N kết hôn với anh Đào Hữu T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) ngày 13/12/2019, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị N và anh T sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Tại các phiên hòa giải và phiên tòa, anh T đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh T không nhất trí ly hôn chỉ làm kéo dài việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận cho chị Nguyễn Hồng N ly hôn anh Đào Hữu T.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Hồng N và anh Đào Hữu T sinh được 02 con chung là Đào Trâm M, sinh ngày 25/09/2020 và Đào Hữu B, sinh ngày 21/05/2023. Cháu M đang ở với chị N, cháu Bảo đang ở với anh T, các cháu vẫn phát triển bình thường. Để tránh xáo trộn về cuộc sống, ảnh hưởng đến tâm sinh lý, nên giao cháu Bảo cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, giao cháu M cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng như yêu cầu của chị N, anh T là phù hợp. Cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N (chị Phạm Thị Nụ nộp thay) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004817 ngày 26/05/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Hồng N ly hôn với anh Đào Hữu T.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Hồng N nuôi con là Đào Hữu B, sinh ngày 21/05/2023; anh Đào Hữu T nuôi con là Đào Trâm M, sinh ngày 25/09/2020. Chị Nguyễn Hồng N, anh Đào Hữu T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị N, anh T thực hiện quyền này. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N (chị Phạm Thị Nụ nộp thay) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004817 ngày 26/05/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

4. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4- Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Ủy ban nhân xã Đ;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân